



SÔNG ĐÀ 207

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207

Địa chỉ: Tầng 20 tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower - Mỹ Trì - Từ Liêm - Hà Nội

Tel: (84-04) 3558 5985 Fax: (84-04) 3558 6918

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2012

HÀ NỘI, THÁNG 07 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207

Địa chỉ: Tầng 20 tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower - Mỹ Trì - Từ Liêm - Hà Nội

Tel: (84-04) 3558 5985 Fax: (84-04) 3558 6918

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	04 - 05
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	06
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	07 - 20

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		276.524.405.173	288.495.093.352
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		167.384.800	56.437.250
1 Tiền	111	V.1.	167.384.800	56.437.250
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		181.652.562.599	206.355.768.306
1 Phải thu của khách hàng	131		34.465.016.428	44.105.981.610
2 Trả trước cho người bán	132		53.868.733.094	52.933.498.008
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	93.378.655.593	109.376.131.204
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(59.842.516)	(59.842.516)
IV Hàng tồn kho	140		78.100.938.870	68.102.451.312
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	78.100.938.870	68.102.451.312
V Tài sản ngắn hạn khác	150		16.603.518.904	13.980.436.484
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		115.893.333	
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		764.110.431	111.183.585
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	V.2.3	15.723.515.140	13.869.252.899
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		91.965.944.547	95.167.383.278
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VII.2.	-	-
II Tài sản cố định	220		33.536.007.781	40.483.525.756
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.7.	6.990.805.350	9.033.761.220
- Nguyên giá	222		24.566.090.319	24.721.391.184
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.575.284.969)	(15.687.629.964)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.5.	15.676.483.537	17.853.772.915
- Nguyên giá	225		26.127.472.559	26.127.472.559
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(10.450.989.022)	(8.273.699.644)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	5.000.000.000	5.000.000.000
- Nguyên giá	228		5.000.000.000	5.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	5.868.718.894	8.595.991.621
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		53.236.900.194	53.236.900.194
1 Đầu tư vào công ty con	251	V.9.	49.636.900.194	49.636.900.194
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10.	3.600.000.000	3.600.000.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		5.193.036.572	1.446.957.328
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	4.923.911.260	1.045.948.471
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		269.125.312	401.008.857
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		368.490.349.720	383.662.476.630

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		279.230.756.572	280.482.676.816
I Nợ ngắn hạn	310		247.725.015.713	259.089.943.897
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12.	186.535.350.966	185.221.996.569
2 Phải trả người bán	312		25.761.612.663	43.099.449.230
3 Người mua trả tiền trước	313		21.237.531.490	8.592.646.158
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13.	2.889.099.432	2.067.495.511
5 Phải trả người lao động	315		1.682.752.469	2.597.697.381
6 Chi phí phải trả	316	V.14.	5.060.098.077	10.300.301.549
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15.	4.362.193.812	6.876.319.207
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11 Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		196.376.804	334.038.292
II Nợ dài hạn	330		31.505.740.859	21.392.732.919
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.16.	12.449.036.073	12.715.653.433
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		285.043.836	285.043.836
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		18.771.660.950	8.392.035.650
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		89.259.593.148	103.179.799.814
I Vốn chủ sở hữu	410	V.17.	89.259.593.148	103.179.799.814
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		110.000.000.000	110.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		10.077.077.500	10.107.077.500
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		10.234.300.518	10.234.300.518
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.227.024.960	1.227.024.960
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(42.278.809.830)	(28.388.603.164)
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		368.490.349.720	383.662.476.630

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012

Công ty Cổ phần Sông Đà 207

Tổng giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng



Lưu Hồng Nhung



Phạm Đình Hiệp




TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Việt Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207

Địa chỉ: Tầng 20 tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower - Mễ Trì - Từ Liêm - Hà Nội
Tel: (84-04) 3558 5985 Fax: (84-04) 3558 6918

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012
đến 30/06/2012

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý II Năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	01/04/2012 đến 30/06/2012		01/04/2011 đến 30/06/2011		01/01/2012 đến 30/06/2012		01/01/2011 đến 30/06/2011		Đơn vị tính: VND
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.18.	44.662.918.566	78.052.828.590	76.976.497.224	167.674.480.012					
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.19.			-						
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=02 - 01)	10	V.20.	44.662.918.566	78.052.828.590	76.976.497.224	167.674.480.012					
4 Giá vốn hàng bán	11	V.21.	46.795.263.788	73.939.804.139	75.890.787.487	157.306.873.765					
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(2.132.345.222)	4.113.024.451	1.085.709.737	10.367.606.247					
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.22.	20.502.363	177.912.014	272.429.828	1.220.231.356					
7 Chi phí tài chính	22	V.23.	2.612.213.679	3.552.802.546	9.019.345.650	5.080.164.069					
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.612.213.679	3.552.802.546	9.019.345.650	5.080.164.069					
8 Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-					
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.969.227.649	3.946.615.279	6.229.000.581	7.771.421.703					
10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(8.693.284.187)	(3.208.481.360)	(13.890.206.666)	(1.263.748.169)					
11 Thu nhập khác	31		-	272.727.273	-	272.727.273					
12 Chi phí khác	32		-	254.299.536	-	254.513.230					
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	18.427.737	-	18.214.043					
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(8.693.284.187)	(3.190.053.623)	(13.890.206.666)	(1.245.534.126)					
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51										
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52										

17 Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	(8.693.284.187)	(3.190.053.623)	(13.890.206.666)	(1.245.534.126)
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	-790	-580	-1.263	-136

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012
Công ty Cổ phần Sông Đà 207
Tổng giám đốc

Người lập


Lưu Hồng Nhung

Kế toán trưởng


Phạm Đình Hiệp



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Việt Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	01/01/2012 đến 30/06/2012	01/01/2011 đến 30/06/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		(13.890.206.666)	(1.245.534.126)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2		4.183.789.940	4.700.601.306
- Các khoản dự phòng	3			
- Chi phí lãi vay	6		9.019.345.650	5.080.164.069
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		(687.071.076)	8.535.231.249
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		22.066.154.100	(47.970.271.344)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.998.487.558)	30.634.682.822
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		757.863.778	(42.899.768.223)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.266.583.395)	3.797.766.752
- Tiền lãi vay phải trả	13		(11.791.828.602)	(15.179.820.867)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.081.834.987	2.137.019.460
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.135.793.748)	(29.128.809.917)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(973.911.514)	(90.073.970.068)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(2.209.951.582)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		38.122.027	225.430.117
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		38.122.027	(1.984.521.465)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			56.500.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		147.265.077.548	123.750.533.528
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(144.440.426.210)	(93.136.850.979)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.777.914.301)	(1.517.156.880)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(1.053.514.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.046.737.037	84.543.011.669
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		110.947.550	(7.515.479.864)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		56.437.250	9.570.299.990
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1	167.384.800	2.054.820.126

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012

Công ty Cổ phần Sông Đà 207

Tổng giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Lưu Hồng Nhung

Phạm Đình Hiệp



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Việt Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2012

(tiếp theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp
1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 207 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Sông Đà 207 – Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 2 được thành lập theo quyết định số 14/TCT- TCĐT ngày 04 tháng 08 năm 2003 của Tổng giám đốc Tổng Công ty Sông Đà. Xí nghiệp Sông Đà 207 được chuyển thành Công ty Cổ phần Sông Đà 207 theo quyết định số 04 CT/HĐQT ngày 29/12/2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 2 về việc thành lập Công ty Cổ phần Sông Đà 207 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102150565 ngày 02/08/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 07 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày 25/01/2007;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 29/10/2007;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 05/08/2008;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 25/09/2008;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 03/08/2009;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 30/07/2010;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần sáu ngày 20/09/2010;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần bảy ngày 02/08/2011;

Vốn điều lệ của Công ty là: **110.000.000.000** đồng (*Một trăm mười tỷ đồng chẵn*)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phần số 08/GCN-SGDHN ngày 3/2/2010 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Công ty Cổ phần Sông Đà 207 với mã chứng khoán là SDB được niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 3/2/2010.

Các đơn vị trực thuộc

Công ty TNHH một thành viên xây lắp Sông Đà 207 được thành lập theo quyết định số 45/QĐ ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 207 về việc thành lập Công ty TNHH một thành viên xây lắp Sông Đà 207 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105064321 ngày 21 tháng 12 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Địa chỉ tại: 162A Nguyễn Tuấn phường Nhân Chính quận Thanh Xuân thành phố Hà Nội Việt Nam.

Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 207 - Nha Trang thành lập theo Quyết định số 48CT/HĐQT ngày 22 tháng 07 năm 2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 207 về việc thành lập Chi nhánh Nha Trang và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4201311700 ngày 26 tháng 07 năm 2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà cấp. Địa chỉ tại: số 100/6A Trần Phú, phường Lập Thợ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà Việt Nam.

Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 207 - Miền Nam thành lập theo Quyết định số 52CT/HĐQT ngày 26 tháng 07 năm 2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 207 về việc thành lập Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0311024878 ngày 28 tháng 07 năm 2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Địa chỉ tại: số 47 - 49 - 51 Phùng Khắc Khoan, phường ĐaKao, quận 1 thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2012

(tiếp theo)

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính)
- Quản lý khu đô thị, khu nhà ở, văn phòng, khu công nghiệp, khu dân cư, bãi đỗ xe;
- Dịch vụ đấu giá, quảng cáo, quản lý và tư vấn bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn quản lý và điều hành các dự án đầu tư xây dựng;
- Lập và thực hiện các dự án xây dựng nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp. Tư vấn, lập hồ sơ dự thầu, đấu thầu trong lĩnh vực xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận chuyển hành khách và vận tải đường bộ;
- Xuất, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Sản xuất, khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Cho thuê máy móc, thiết bị trong lĩnh vực xây dựng;
- Xây dựng công trình thủy lợi: đê đập, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu.
- Xây dựng các công trình công nghiệp: đường bộ, sân bay, bến cảng
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng và xây dựng hạ tầng đô thị.

Địa chỉ: Tầng 20 tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower - Mễ Trì - Từ Liêm - Hà Nội
Tel: (84-04) 3558 5985 Fax: (84-04) 3558 6918

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán của Tập đoàn Sông Đà. Đến thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính tổng hợp, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2012

(tiếp theo)

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 30/06/2012, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**3.1 Nguyên tắc ghi nhận, phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Máy móc, thiết bị	6 - 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	2 - 6

3.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính và khấu hao

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2012

(tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là bộ máy khoan thủy lực, 01 bộ cần Kelly massat, 01 bộ cần kelly khóa cơ khí được ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính theo hợp đồng thuê mua với Công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 06 – Thuê tài sản. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian đi thuê.

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao T<năm>**

Máy móc thiết bị

05

4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là các căn hộ tại công trình chung cư cao cấp Bãi Dương, đang trong quá trình xây dựng được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà HTC dưới hình thức công ty liên kết., và Các Công ty TNHH MTV là Công ty con.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**6.1 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng Công ty được tính phân bổ dần vào chi phí kinh doanh;

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí thi công các hạng mục công trình đã thực hiện nhưng chưa phát hành hoá đơn. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, các Biên bản nghiệm thu, phiếu giá.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2012

(tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của công ty được trích lập bằng 3% quỹ lương nộp bảo hiểm xã hội theo Quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 về việc trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá, doanh thu xây lắp, doanh thu cho thuê máy doanh thu cho thuê nhà và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà và cho thuê máy được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Do các hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng, Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 – "Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là chi phí tài chính phát sinh trong kỳ của hoạt động xây lắp, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**14.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2012

(tiếp theo)

14.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

14.3 Các nghĩa vụ về thuế**Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với các hoạt động xây lắp, cho thuê nhà và bán vật tư.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	28.259.278	169.330
Tiền gửi ngân hàng (VND)	138.161.573	55.451.889
Tiền gửi ngân hàng (ngoại tệ)	963.949	816.031
Cộng	167.384.800	56.437.250
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Phải thu của CBCNV	455.916.998	458.564.628
- Thuế GTGT đầu vào của TSCĐ thuê tài chính	1.223.242.477	1.374.835.212
- Dự án Trương Đình Hội 2	41.000.000.000	40.000.000.000
- Dự án Việt Hưng	37.700.000.000	37.700.000.000
- Công ty cổ phần Sông Đà Sao Việt	1.000.000.000	1.000.000.000
- Các khoản phải thu khác	14.488.531	-
- Công ty TNHH MTV Xây lắp Sông Đà 207	5.535.851.011	22.080.416.044
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Nha Trang	1.226.240.416	6.361.347.261
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Miền Nam	5.222.916.160	400.968.059
Tổng cộng	93.378.655.593	109.376.131.204

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2012

(tiếp theo)

3. Hàng tồn kho	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	78.100.938.870	68.102.451.312 ✓
Cộng giá gốc hàng tồn kho	78.100.938.870	68.102.451.312
5. Tài sản cố định thuê tài chính		Đơn vị tính: VND
	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2012	26.127.472.559 ✓	26.127.472.559
Thanh lý, nhượng bán		-
Giảm khác		-
Số dư ngày 30/06/2012	26.127.472.559	26.127.472.559
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2012	8.273.699.644	8.273.699.644 ✓
Khấu hao trong năm	2.177.289.378	2.177.289.378
Thanh lý, nhượng bán		-
Giảm khác	-	-
Số dư ngày 30/06/2012	10.450.989.022	10.450.989.022
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2012	17.853.772.915	17.853.772.915 ✓
Tại ngày 30/06/2012	15.676.483.537	15.676.483.537
6. Tài sản cố định vô hình		
Chỉ tiêu	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2012	5.000.000.000	5.000.000.000
Mua trong năm		-
Giảm khác		-
Số dư ngày 30/06/2012	5.000.000.000	5.000.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2012		-
Số dư ngày 30/06/2012	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2012	-	5.000.000.000
Tại ngày 30/06/2012	-	5.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207

Địa chỉ: Tầng 20 tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower - Mễ Trì - Từ Liêm - Hà Nội
 Tel: (84-04) 3558 5985 Fax: (84-04) 3558 6918

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012
 đến 30/06/2012

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2012

(tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2012	20.530.415.123	3.682.480.535	193.713.708	314.781.818	24.721.391.184
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tặng khác	90.619.047	-	21.000.000	43.681.818	155.300.865
Bàn giao Công ty con	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	20.439.796.076	3.682.480.535	172.713.708	271.100.000	24.566.090.319
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2012	13.657.328.450	1.635.408.552	155.454.187	239.438.775	15.687.629.964
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2012	1.651.500.567	297.706.716	15.911.046	41.382.233	2.006.500.562
Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
Bàn giao Công ty con	-	-	-	-	-
Tặng khác	85.174.599	-	10.616.662	23.054.296	118.845.557
Thanh lý, nhượng bán	15.223.654.418	1.933.115.268	160.748.571	257.766.712	17.575.284.969
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2012	6.873.086.673	2.047.071.983	38.259.521	75.343.043	9.033.761.220
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2012	5.216.141.658	1.749.365.267	11.965.137	13.333.288	6.990.805.350
Tại ngày 30/06/2012	-	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2012

(tiếp theo)

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công trình Chung cư cao cấp Bãi Dương	5.868.718.894	5.868.718.894
Tiền mua tầng 20 nhà A tòa nhà hỗn hợp HH4		2.727.272.727
Tổng cộng	5.868.718.894	8.595.991.621

9. Đầu tư vào công ty con

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tỷ lệ sở hữu		
- Công ty TNHH MTV xây lắp Sông Đà 207	30.000.000.000	30.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Nha Trang	15.000.000.000	15.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Miền Nam	4.636.900.194	4.636.900.194
	49.636.900.194	49.636.900.194

10. Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Sông Đà HTC dưới hình thức công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư. Giá trị vốn góp là 3 600 000 000, đồng

11. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn	4.923.911.260	1.045.948.471
- Chi phí công cụ, dụng cụ, SCL TSCĐ chờ phân bổ	2.431.805.200	1.045.948.471
- Tiền thuê tầng 20 nhà A tòa nhà hỗn hợp HH4	2.492.106.060	-
Tổng cộng	4.923.911.260	1.045.948.471

12. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	183.943.767.312	180.852.498.614
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Cầu Giấy	99.787.649.097	95.803.644.913
Ngân hàng TMCP An Bình Hà Nội	34.677.264.514	34.990.000.000
Ngân hàng TMCP kỹ thương (Techcombank)	37.558.853.701	37.558.853.701
Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex	5.000.000.000	5.000.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Xuân	-	5.000.000.000
Cá nhân khác	5.420.000.000	2.500.000.000
Công ty CP ĐT Sông Đà Sao Việt	1.500.000.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2012

(tiếp theo)

<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	-	2.591.583.654	4.369.497.955
Công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam		2.591.583.654	4.369.497.955 ✓
Tổng cộng		186.535.350.966	185.221.996.569
13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			Đơn vị tính: VND
	01/01/2012	Số phải nộp	Số đã nộp
			30/06/2012
Thuế GTGT đầu ra	301.298.151	668.216.527	51.193.117
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.024.408.339		49.332.071
Thuế thu nhập cá nhân	741.789.021	253.912.582	
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000
Tổng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.067.495.511 ✓	925.129.109	103.525.188
			30/06/2012
14. Chi phí phải trả			01/01/2012
			VND
			VND
Trích trước chi phí lãi vay			3.935.851.757
Trích trước chi phí đã phát sinh chưa hoá đơn GTGT của:			1.124.246.320
Tổng cộng			5.060.098.077
			10.300.301.549 ✓
15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác			30/06/2012
			VND
			VND
Kinh phí công đoàn			1.614.206.379
BHXH, BHYT, BHTN			738.004.088
Các khoản phải trả, phải nộp khác			636.382.845
Tổng cộng			4.362.193.812
			6.876.319.207 ✓
16. Vay và nợ dài hạn			30/06/2012
			VND
			VND
<i>Vay dài hạn</i>			892.469.440
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Cầu Giấy	17%		892.469.440
<i>Nợ dài hạn</i>			11.556.566.633
Công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	17,51%		11.556.566.633
Tổng cộng			12.449.036.073
			12.715.653.433 ✓

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2012

(tiếp theo)

Các khoản nợ thuê tài chính:

Đơn vị tính: VND

Thời hạn	Năm nay		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả lãi tiền thuê	Trả nợ gốc
Trên 1 năm đến 5 năm	3.242.497.028	1.464.582.727	1.777.914.301

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2011	110.000.000.000	10.107.077.500	-28.388.603.164	68.153.950.789
Tăng vốn trong năm nay				-
Lãi trong năm nay				0
Lỗ trong năm nay			(13.890.206.666)	(13.890.206.666)
Giảm khác		(30.000.000)		(30.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2012	110.000.000.000	10.077.077.500	(42.278.809.830)	77.798.267.670

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp của các đối tượng khác	110.000.000.000	110.000.000.000
Cộng	110.000.000.000	110.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	01/01/2012 đến 30/06/2012	01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	110.000.000.000	55.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	110.000.000.000	55.000.000.000

Cổ tức, lợi nhuận đã chia

	30/06/2012	01/01/2012
d) Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	11.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.000.000	11.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	11.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.000.000	11.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2012

(tiếp theo)

- Cổ phiếu phổ thông		11.000.000	11.000.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng			
đ) Lãi cơ bản trên cổ phiếu		01/01/2012 đến 30/06/2012	01/01/2011 đến 30/06/2011
		VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(13.890.206.666)	(1.245.534.126)
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		(13.890.206.666)	(1.245.534.126)
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ		11.000.000	5.500.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu		(1.263)	(226)
e) Các quỹ của công ty			Đơn vị tính: VND
	01/01/2012	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm
			31/03/2012
Quỹ đầu tư phát triển	10.234.300.518		10.234.300.518
Quỹ dự phòng tài chính	1.227.024.960		1.227.024.960
Tổng cộng	11.461.325.478	-	-
18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		01/01/2012 đến 30/06/2012	01/01/2011 đến 30/06/2011
		VND	VND
Doanh thu bán hàng		12.578.072.238	38.025.533.644
Doanh thu cung cấp dịch vụ		8.147.639.942	4.707.779.252
Doanh thu hợp đồng xây dựng		56.250.785.044	124.941.167.116
Tổng cộng		76.976.497.224	167.674.480.012
19. Các khoản giảm trừ doanh thu		01/01/2012 đến 30/06/2012	01/01/2012 đến 30/06/2012
		VND	VND
Các khoản giảm trừ		-	-
Tổng cộng		-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2012

(tiếp theo)

- Cổ phiếu phổ thông		11.000.000	11.000.000
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng			
đ) Lãi cơ bản trên cổ phiếu		01/01/2012 đến 30/06/2012	01/01/2011 đến 30/06/2011
		VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(13.890.206.666)	(1.245.534.126)
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		(13.890.206.666)	(1.245.534.126)
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ		11.000.000	5.500.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu		(1.263)	(226)
e) Các quỹ của công ty			Đơn vị tính: VND
	01/01/2012	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm
			31/03/2012
Quỹ đầu tư phát triển	10.234.300.518		10.234.300.518
Quỹ dự phòng tài chính	1.227.024.960		1.227.024.960
Tổng cộng	11.461.325.478	-	11.461.325.478
18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		01/01/2012 đến 30/06/2012	01/01/2011 đến 30/06/2011
		VND	VND
Doanh thu bán hàng		12.578.072.238	38.025.533.644
Doanh thu cung cấp dịch vụ		8.147.639.942	4.707.779.252
Doanh thu hợp đồng xây dựng		56.250.785.044	124.941.167.116
Tổng cộng		76.976.497.224	167.674.480.012
19. Các khoản giảm trừ doanh thu		01/01/2012 đến 30/06/2012	01/01/2012 đến 30/06/2012
		VND	VND
Các khoản giảm trừ		-	-
Tổng cộng		-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2012

(tiếp theo)

20. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01/01/2012 đến 30/06/2012	01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá	12.578.072.238	38.025.533.644
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	8.147.639.942	4.707.779.252
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	56.250.785.044	124.941.167.116
Tổng cộng	76.976.497.224	167.674.480.012
21. Giá vốn hàng bán	01/01/2012 đến 30/06/2012	01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	12.578.072.232	38.091.317.918
Giá vốn cung cấp dịch vụ	7.856.297.379	4.520.460.154
Giá vốn hợp đồng xây dựng	55.456.417.876	114.695.095.693
Tổng cộng	75.890.787.487	157.306.873.765
22. Doanh thu hoạt động tài chính	01/01/2012 đến 30/06/2012	01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi	38.122.027	225.430.117
Doanh thu hoạt động tài chính khác	234.307.801	994.801.239
Tổng cộng	272.429.828	1.220.231.356
23. Chi phí tài chính	01/01/2012 đến 30/06/2012	01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	9.019.345.650	5.080.164.069
Tổng cộng	9.019.345.650	5.080.164.069

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2012

(tiếp theo)

VII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan**

<i>a) Giao dịch với các bên liên quan</i>	01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
<i>Doanh thu bán hàng hóa, vật tư và cung cấp dịch vụ</i>	20.894.048.282
- Công ty TNHH MTV xây lắp Sông Đà 207	14.202.899.754
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Miền nam	24.109.937
- Công ty cổ phần Sông Đà Thăng Long	6.667.038.591
<i>Lãi tiền gửi, lãi cho vay, phụ phí quản lý công trình</i>	731.064.391
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Nha Trang	705.117.633
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Miền Nam	25.946.758
<i>Mua hàng hóa, vật tư, sử dụng dịch vụ</i>	47.880.695.139
- Công ty TNHH MTV xây lắp Sông Đà 207	43.702.045.757
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Miền Nam	4.007.500.664
- Công ty cổ phần Sông Đà Thăng Long	171.148.718
<i>b) Số dư với các bên có liên quan</i>	30/06/2012 VND
<i>Các khoản phải thu thương mại</i>	26.698.035.457
- Công ty cổ phần Sông Đà HTC	5.368.893.707
- Công ty cổ phần Sông Đà Thăng Long	21.329.141.750
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</i>	11.985.007.587
- Công ty TNHH MTV Xây lắp Sông Đà 207	5.535.851.011
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Nha Trang	1.226.240.416
- Công ty TNHH MTV Sông Đà 207 Miền Nam	5.222.916.160

2. Thông tin so sánh

Là số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 đã được kiểm toán và số liệu báo cáo tài chính cho giai đoạn hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2011 đến 30 tháng 06 năm 2011 đã được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn tài chính quốc tế.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2012

Công ty Cổ phần Sông Đà 207
Tổng giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng



Lưu Hồng Nhung



Phạm Đình Hiệp



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Việt Sơn